

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/11/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thúy Hằng**

2. Ông **Trần Thành Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Kỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị**, sinh năm 1972

Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970

Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T viết ngày 11/9/2017, gửi đến Tòa án nhân dân huyện P vào ngày 10/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện năm 1991 nhưng đến năm 2004 vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường. Đến năm 2015 ông H đi làm xa ở thành phố Hồ Chí Minh thì có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nhiều lần bà T khuyên can nhưng ông H không nghe mà còn tiếp tục quan hệ với người phụ nữ đó, mỗi năm chỉ về nhà một đến hai lần và không còn quan tâm đến vợ con. Cách đây hơn một năm ông H không còn về nhà nữa, bà T vào thành phố Hồ Chí Minh, đến chỗ trọ ông H ở khuyên bảo ông H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không thay đổi. Nay bà T không còn tình cảm với ông H nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1993. Các con hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn P, xã Hòa T, huyện P. Ly hôn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời trình bày ngày 05/11/2018 của chị Nguyễn Thị Thu H (con ruột của bà T và ông H) trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn từ lâu vì ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà T nhiều lần khuyên bảo nhưng ông H không thay đổi. Cách đây khoảng hơn 02 năm, ông H và bà T không còn sống chung với nhau. Hiện nay ông H đang làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, chị H nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án gửi cho ông H về việc bà T yêu cầu giải quyết ly hôn, chị H có gọi điện thoại thông báo cho ông H biết để đến Tòa giải quyết ly hôn thì ông H trả lời không về, việc bà T ly hôn muốn làm gì thì làm.

Tòa án nhân dân huyện P nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, bà T đều vắng mặt (bà T có đơn xin vắng mặt) và Tòa đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H. Về con chung, các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Tòa không xét. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhiều lần (trên hai lần), nhưng ông H vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với lý do ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà T và ông H không còn chung sống với nhau cách đây 02 năm nay. Theo lời chị Nguyễn Thị Thu H (con ruột của bà T và ông H) cho biết: Tòa án nhân dân huyện P đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông H, chị H nhận được và có thông báo cho ông H nhưng ông H không về, việc bà T xin ly hôn muốn làm gì thì làm. Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1993. Các con hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1993, hiện nay đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST, đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0008057 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND t. Phú Yên;
- VKSND h.P;
- THA h. P;
- UBND xã S,
- huyện S;
- Các đường sự;
- Lưu HSA; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thúy Sơn